TAND THÀNH PHỐ L **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 13 – 10 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Liên và ông Trần Minh Hải

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 06/7/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vùi Thị H, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Tả Làn Than, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; có mặt

2. Bị đơn: Anh Lù A L , sinh năm 1985; đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Tả Làn Than, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai, các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vùi Thị H trình bày:

Chị và anh Lù A L kết hôn ngày 12/3/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống không có tiếng nói chung, không hiểu nhau về kinh tế gia đình khiến cuộc sống chung mệt mỏi, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát và cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 6 năm 2022. Hiện anh chị đã sống ly thân. Nay chị H nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, chị không

còn yêu thương anh L nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù A L.

Về con chung: Chị và anh Lù A L có 03 con chung là cháu Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010, cháu Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020. Hiện cháu Lù Thị Thu H1 đang sống chung cùng chị còn 02 con chung là cháu Lù Huyền Nh, Lù Minh T đang sống chung cùng anh L. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu H1. Chị tự nguyện nhường quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung tên Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 cho anh Lù A L và chị không cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu T.

Về chia tài sản: Chị Vùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Lù A L trình bày:

Anh nhất trí với phần trình bày của chị Vùi Thị H về thời gian kết hôn và anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống anh và chị H chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vấn đề tiền bạc, kinh tế trong gia đình và tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Ngoài ra trong quá trình chung sống thì có mâu thuẫn giữa mẹ chồng con dâu, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát và cãi vã lẫn nhau. Hiện anh và chị H đã sống ly thân, chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 6/2022 và từ đó anh và chị H không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Anh L cũng xác định giữa anh và chị H có mâu thuẫn, có xảy ra xô xát nhưng không đến mức phải ly hôn nên anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là cháu Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010, cháu Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020. Hiện nay cháu Lù Thị Thu H1 đang sống chung cùng chị H, còn 02 con chung là cháu Lù Huyền Nh, Lù Minh T đang sống chung cùng anh. Trong trường hợp phải ly hôn, anh nhất trí với ý kiến của chị H về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, cụ thể: Anh là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung tên Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu T. Còn đối với con chung tên Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 sẽ do chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi cháu Thu H1.

Về chia tài sản: Anh Lù A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả xác minh tại Bản Tả Làn Than, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu cho thấy: chị H và anh L kết hôn từ tháng 3/2012, quá trình chung sống dân bản không thấy anh L, chị H báo cáo gì cho trưởng bản biết về các vấn đề mâu thuẫn của gia đình vì vậy trưởng bản không nắm được. Tuy nhiên trưởng bản có biết thông tin là trong quá trình chung sống giữa chị H và mẹ chồng cũng có xảy ra mâu

thuẫn. Thời gian gần đây thấy chị H đã chuyển ra ở riêng không sống chung cùng anh L tại bản Tả Làn Than, phường T, thành phố L nữa.

- Kết quả lấy lời khai của con chung tên Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010: Cháu H1 có biết việc bố mẹ hay cãi nhau, cũng có đánh nhau một lần, hiện cháu Hiền đang ở cùng với mẹ. Cháu H1 có nguyện vọng được mẹ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cảu nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: chị Vùi Thị H được ly hôn với anh Lù A L. Về con chung: áp dụng Điều 5, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 cho chị Vùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 cho anh Lù A L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vùi Thị H và anh Lù A L đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Chị Vùi Thị H và anh Lù A L không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí: Chị Vùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con; các đương sự có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố L đã tiến hành các thủ tục, trình tự tống đạt các văn bản tố tụng đảm bảo theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 12/3/2012, chị Vùi Thị H kết hôn với anh Lù A L, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, quá trình chung sống hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn vấn đề kinh tế trong gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến xô xát và cãi vã lẫn nhau, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hơn nữa, theo lời khai của con chung là cháu Lù Thị Thu H1 cũng thể hiện, giữa bố mẹ có cãi nhau, có đánh nhau và hiện tại cháu đang sống cùng mẹ, không sống chung cùng bố và 2 em. Hiện nay anh L, chị H đã sống ly thân. Đến thời điểm này chị Vùi Thị H xác định không còn tình cảm yêu thương anh L và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Bị đơn anh Lù A L cũng xác định trong cuộc sống chung anh chị có sảy ra mâu thuẫn, xô xát. Tuy nhiên việc mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không nhất trí ly hôn. Anh L thừa nhận anh và chị H đã sống ly thân, chị H đã chuyển ra ngoài, không sống chung cùng anh và hai con Nhi, Tuyển nữa. Xét thấy, trong quá trình chung sống chị H, anh L có mâu thuẫn, xô xát và thời gian chị H và anh L sống ly thân, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đến thời điểm này chị Vùi Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị và anh Lù A L có 03 con chung là cháu Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010, cháu Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020.

- Ý kiến của nguyên đơn khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với hai con chung tên Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 chị tự nguyện nhường quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho anh Lù A L và chị không cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị H tự nguyện nhường quyền nuôi con chung tên Lò Minh T, sinh ngày 16/4/2020 dưới 36 tháng tuổi cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là tự nguyện và đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Ý kiến của bị đơn anh Lù A L: Sau khi ly hôn anh nhất trí với ý kiến của chị H về việc nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Anh là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung tên Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu T. Còn đối với con chung tên Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 sẽ do chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không cấp dưỡng nuôi cháu Thu H1.

Xét thấy, tại phiên tòa chị H và anh L đã tự nguyện thống nhất về việc nuôi các con chung sau khi ly hôn nên có căn cứ cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 cho chị Vùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao hai cháu tên Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 cho anh Lù A L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vùi Thị H và anh Lù A L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là đảm bảo theo quy định tại Điều 5, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Chia tài sản (tài sản chung, nợ chung, cho vay chung): Chị Vùi Thị H và anh Lù A L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vùi Thị H chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vùi Thị H được ly hôn với anh Lù A L.

[2] Việc nuôi con: Áp dụng Điều 5, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Vùi Thị H và anh Lù A L:

Giao cho chị Vùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lù Thị Thu H1, sinh ngày 17/11/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao cho anh Lù A L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lù Huyền Nh, sinh ngày 23/10/2016 và Lù Minh T, sinh ngày 16/4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vùi Thị H và anh Lù A L đều không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Việc chia tài sản: Chị Vùi Thị H và anh Lù A L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vùi Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001316 ngày 06/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu. Chị Vùi Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Vùi Thị H và anh Lù A L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- UBND phường Tân Phong, thành phố L, tỉnh Lai Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**